

Bản án số: 44 /2023/KDTM-PT
Ngày 23/11/2023

*V/v: Tranh chấp vốn góp và phân chia
lợi nhuận*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Ông Trần Quang Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phan Diệu Nhân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 32/2021/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp về vốn góp và phân chia lợi nhuận”, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh QN.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12858/2023/QĐPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hàn Thị Lan H; địa chỉ: Số nhà 8, phố LVT, tổ 37, khu 4, phường HG, thành phố HL, tỉnh QN (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn S; địa chỉ: Số nhà 8, phố LVT, tổ 37, khu 4, phường HG, thành phố HL, tỉnh QN (có mặt).

2. Bị đơn: Văn phòng công chứng HQ; trụ sở: Số 103, đường 25/4, phường BÐ, thành phố HL, tỉnh QN; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Lê D – Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đặng Văn T1; địa chỉ: Số 6, ngõ 82, đường NVC, tổ 4, khu 8, phường HH, thành phố HL, tỉnh QN (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Văn S; địa chỉ: số nhà 8, phố LVT, tổ 37, khu 4, phường HG, thành phố HL, tỉnh QN(có mặt).

- Ông Đỗ Lê D; địa chỉ: tổ 2, khu 6C, phường HH, thành phố HL, tỉnh QN

(vắng mặt).

- Ông Nguyễn Xuân T2; địa chỉ: tổ 1, khu 6C, phường HH, thành phố HL, tỉnh QN (vắng mặt).

- Ông Đào Xuân T3; địa chỉ: tổ 1, khu 1, phường CX, thành phố HL, tỉnh QN (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, ông T2 và ông T3: Ông Đặng Văn T1 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn S trình bày:*

Văn phòng công chứng HQ được UBND tỉnh QN thành lập theo Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 do ông Đỗ Lê D là trưởng văn phòng và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Ngày 06/11/2010, ông D, ông Nguyễn Xuân T2 và ông Ngô Văn S ký cam kết góp vốn cổ phần “V/v thành lập Văn phòng công chứng HQ”, theo đó mỗi người góp 200.000.000 đồng. Do ông S là công chức Nhà nước nên bà H là người trực tiếp nộp tiền, tham gia các hoạt động kinh doanh và làm kế toán tại Văn phòng công chứng. Ngày 15/11/2011, UBND tỉnh QN ban hành Quyết định số 3554/QĐ-UBND cho phép Văn phòng Công chứng HQ chuyển đổi loại hình từ một công chứng viên thành lập sang văn phòng công chứng do hai công chứng viên hợp danh thành lập gồm ông D và ông T2, nhưng bà H vẫn là thành viên góp vốn của Văn phòng. Ngày 06/3/2017, ông Đỗ Lê D rút 100% vốn góp cổ phần và thông báo bán Văn phòng công chứng HQ, sau đó tự ý bổ sung công chứng viên Đào Xuân T3. Từ tháng 11/2017 đến nay, ông Đỗ Lê D đã ủy quyền cho ông Đào Xuân T3 quyền Trưởng văn phòng công chứng HQ và toàn quyền quản lý văn phòng, tự ý nâng lương, rút tiền quỹ văn phòng không thông qua thủ tục tài chính kế toán, chi tiêu bất hợp pháp. Từ ngày 21/8/2018 ông D ra Quyết định chấm dứt làm việc với bà H. Căn cứ Bản án số 10/2020/KDTM-PT ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định bà H là thành viên góp vốn của Văn phòng công chứng HQ. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

- Buộc Văn phòng công chứng HQ trả cho bà 200.000.000 đồng tiền góp vốn ban đầu và tiền lợi nhuận góp vốn từ tháng 01/2014 đến nay.

- Buộc Văn phòng công chứng HQ thanh toán tiền lương và các chế độ khác của Văn phòng cho bà H từ tháng 7/2018 đến nay.

- Yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm đếm tài sản cố định của Văn phòng công chứng HQ, định giá tài sản và thương hiệu Văn phòng công chứng để thanh toán giá trị vốn góp cho các thành viên góp vốn.

- Buộc ông Đỗ Lê D, ông Nguyễn Xuân T2 và ông Đào Xuân T3 nộp lại cho Văn phòng công chứng HQ các khoản chi sai từ năm 2011 đến nay tổng số tiền 2.740.661.000đ, sau khi trừ các khoản thuế phải chia cho bà H số tiền 850.000.000 đồng.

- Yêu cầu Văn phòng công chứng HQ cung cấp toàn bộ hồ sơ, chứng từ thu chi báo cáo quyết toán từ năm 2014 để bà H tự kiểm tra.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Văn phòng công chứng HQ ông Đặng Văn T1 trình bày:*

Về việc thành lập Văn phòng công chứng HQ và góp vốn giữa ông D, ông T3 và bà H như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2015 Luật công chứng năm 2014 có hiệu lực pháp luật, theo đó Văn phòng công chứng không có thành viên góp vốn nên đương nhiên các văn bản ký kết giữa thành viên góp vốn với các thành viên khác trước ngày 01/01/2015 là vô hiệu. Do đó, Văn phòng Công chứng HQ đã chi trả tiền góp vốn cho bà H nhưng bà H không nhận và vẫn cho rằng mình là thành viên góp vốn. Việc bà H khởi kiện, Văn phòng có quan điểm đồng ý trả lại tiền góp vốn 200.000.000 đồng cho bà H, không đồng ý các yêu cầu khởi kiện khác bởi: Năm 2014, Văn phòng kinh doanh thua lỗ 189.000.000 đồng, từ ngày 01/01/2015, bà H không còn là thành viên góp vốn nên không có quyền được chia lợi nhuận từ năm 2014 cho đến nay, mà bà H còn phải chịu 1/3 số tiền lỗ của năm 2014. Việc chi tiêu của Văn phòng từ khi thành lập đều có sự thống nhất của các thành viên, bản thân bà H còn là kế toán của Văn phòng, là người lập chứng từ thu chi nên không có việc Văn phòng tự ý tăng lương cho ông D, ông T2, ông T3 cũng như mua sắm tài sản. Do đó, việc bà H yêu cầu ông D, T2, ông T3 nộp lại các khoản chi sai từ năm 2011 số tiền 2.740.661.000đ, để chia lại cho bà H số tiền 850.000.000 đồng là không có căn cứ. Tài sản của Văn phòng công chứng mua bằng tiền góp vốn của các thành viên đến nay đã được khấu hao hết, Văn phòng đồng ý trả lại tiền vốn góp ban đầu cho bà H nên bà H không có quyền yêu cầu định giá tài sản để thanh toán giá trị vốn góp. Văn phòng công chứng HQ do một công chứng viên là ông D thành lập, bà H chỉ là thành viên góp vốn nên không có quyền tranh chấp giá trị thương hiệu.

** Quan điểm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đỗ Lê D, ông Nguyễn Xuân T2 và ông Đào Xuân T3 thống nhất quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng công chứng HQ cũng là người đại diện theo ủy quyền của các ông là ông Đặng Văn T1.

**** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh QN quyết định:***

[1]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H về việc buộc Văn phòng Công chứng HQ thanh toán tiền lương và các chế độ khác từ tháng 12 năm 2017 đến nay.

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H. Buộc Văn phòng công chứng HQ trả cho bà Hàn Thị Lan H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền vốn góp.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H về việc: Buộc Văn phòng công chứng HQ trả tiền lợi nhuận vốn góp từ tháng 01 năm 2014 đến nay; thanh toán số tiền chi sai quy định 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng) và kiểm đếm, định giá tài sản, thương hiệu Văn phòng công chứng HQ để thanh toán giá trị góp vốn cho các thành viên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2021, nguyên đơn là bà Hàn Thị Lan H kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn là bà Hàn Thị Lan H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung cụ thể trình bày tại phiên tòa như sau: Yêu cầu phải thanh toán tiền lợi nhuận cho nguyên đơn từ năm 2014 cho đến nay bởi lẽ Văn phòng công chứng hoạt động trên cơ sở phần vốn 200 triệu đồng của nguyên đơn góp (các thành viên đã rút hết vốn góp năm 2014), theo nguyên đơn được biết dựa trên kết quả kinh doanh và báo cáo thuế của Văn phòng công chứng thì năm 2014 báo lỗ 189 triệu đồng, năm 2016 báo lỗ 181 triệu đồng, các năm còn lại như 2015, 2017, 2018 lãi lần lượt là 227 triệu đồng, 538 triệu đồng và 1.344 triệu đồng; đồng thời, phải thanh toán giá trị Văn phòng công chứng theo tỷ lệ vốn góp bởi lẽ theo như nguyên đơn được biết thì phía bị đơn đã bán Văn phòng công chứng cho người khác với giá trị khoảng 5 tỷ đồng.

- Phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn giữ nguyên các quan điểm, lời trình bày như ở cấp sơ thẩm đã nêu cụ thể là Luật công chứng có hiệu lực từ 01/01/2015 thì Văn phòng công chứng không có thành viên góp vốn; số tiền 200 triệu đồng của nguyên đơn vẫn được giữ nguyên để trả cho nguyên đơn và nếu nguyên đơn lấy 200 triệu đồng thì các vật rẻ tiền mau hỏng như bàn ghế, máy tính ... là của Văn phòng công chứng, nếu nguyên đơn yêu cầu chia những tài sản này thì nguyên đơn có thể đến lấy hết các tài sản này nhưng sẽ không được lấy 200 triệu đồng. Đồng thời, tên Văn phòng không phải là tài sản nên không thể định giá. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến đánh giá việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm là đúng pháp luật, kháng cáo hợp lệ nên được xem xét. Về nội dung: Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hàn Thị Lan H; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Văn phòng công chứng HQ trả tiền vốn góp và các khoản lợi nhuận. Tòa án nhân dân tỉnh QN thụ lý giải quyết là đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 6 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày

03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và theo khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Văn phòng công chứng HQ thanh toán tiền lương và các chế độ khác từ tháng 7/2018 đến nay. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu buộc Văn phòng Công chứng HQ trả lại 200.000.000 đồng tiền vốn góp và tiền lợi nhuận vốn góp từ tháng 01/2014 đến nay:

Văn phòng công chứng HQ được UBND tỉnh QN thành lập theo Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 do ông Đỗ Lê D là Trưởng văn phòng và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Ngày 06/11/2010, ông D, ông Nguyễn Xuân T2 và ông Ngô Văn S ký cam kết góp vốn cổ phần “V/v thành lập Văn phòng công chứng HQ”, theo đó mỗi người góp 200.000.000 đồng. Do ông S là công chức Nhà nước nên bà H là người trực tiếp nộp tiền, tham gia các hoạt động kinh doanh và làm kế toán tại Văn phòng công chứng.

Ngày 15/11/2011, UBND tỉnh QN ban hành Quyết định số 3554/QĐ-UBND cho phép Văn phòng Công chứng HQ chuyển đổi loại hình từ một công chứng viên thành lập sang công ty hợp danh do hai công chứng viên hợp danh thành lập gồm ông D và ông T2 và thành viên góp vốn là bà H. Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 10/2020/KDTM-PT ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xác định bà H là thành viên góp vốn của Văn phòng công chứng HQ nên việc bà H yêu cầu Văn phòng công chứng HQ trả lại 200.000.000 đồng góp vốn là có căn cứ để xem xét. Văn phòng công chứng HQ có quan điểm đồng ý trả lại số tiền này nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà H.

Đối với yêu cầu trả lợi nhuận vốn góp từ tháng 01/2014 đến nay thấy:

- Thời điểm năm 2014: Theo chứng từ thu chi năm 2014 của Văn phòng công chứng HQ cung cấp cho Tòa án cũng như lời khai của bà H thể hiện năm 2014 Văn phòng kinh doanh thua lỗ 189.000.000 đồng. Bà H cho rằng nguyên nhân lỗ là do ông D, ông T2 tự ý tăng lương. Tuy nhiên, xem xét các biên bản họp cũng như Nghị quyết xây dựng mức lương, bảng thanh toán lương của Văn phòng công chứng thấy bà H đều tham gia, thể hiện quan điểm đồng ý và ký vào các biên bản. Căn cứ Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2005 qui định về quyền của người góp vốn; Điều 19 chương V của Điều lệ Văn phòng công chứng HQ thì không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia lợi nhuận năm 2014 của bà H.

- Thời điểm năm 2015 đến nay: Tại Bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh QN và Bản án phúc thẩm số 13/2020/KDTM-PT ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định “Văn phòng công chứng HQ không có thành viên góp vốn kể từ ngày 01/01/2015”. Vì vậy, bà H không còn là thành viên góp vốn của Văn phòng Công chứng HQ, nên bà H không còn quyền yêu cầu chia lợi nhuận.

Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H về việc được chia lợi nhuận của Văn phòng từ tháng 01/2014 đến nay.

[2.2]. Xét yêu cầu kiểm đếm tài sản cố định của Văn phòng công chứng HQ, định giá tài sản và thương hiệu Văn phòng công chứng để thanh toán giá trị vốn góp cho các thành viên góp vốn thấy:

Đối với yêu cầu kiểm đếm tài sản cố định của văn phòng: Các đương sự đều thừa nhận tài sản của Văn phòng công chứng HQ được hình thành từ nguồn vốn góp của các thành viên góp vốn. Việc Văn phòng công chứng HQ đồng ý trả lại số tiền góp vốn ban đầu là 200.000.000 đồng cho bà H nên việc bà H yêu cầu kiểm đếm, định giá tài sản hiện nay của Văn phòng để thanh toán theo giá trị góp vốn cho các thành viên là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu định giá thương hiệu của văn phòng để thanh toán giá trị thương hiệu cho thành viên góp vốn thấy: Tại Công văn số 6466/STC-QLG&CS ngày 11/12/2020 của Sở Tài chính thể hiện việc định giá thương hiệu “Văn phòng công chứng HQ” không thuộc phạm vi thẩm định giá theo qui định tại Luật giá và qui định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh QN. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

[2.3]. Xét yêu cầu buộc ông D, ông T2 và ông T3 nộp lại cho Văn phòng công chứng HQ các khoản chi sai từ năm 2011 đến nay với tổng số tiền 2.740.661.000đ, sau khi trừ các khoản thuế phải chia cho bà H số tiền 850.000.000 đồng, thấy:

Bà H không đưa ra được các căn cứ chứng minh các khoản chi từ năm 2011 đến ngày 01/01/2015 là sai qui định. Các chứng từ, tài liệu do Văn phòng công chứng HQ cung cấp thể hiện các khoản chi đều được thực hiện đúng điều lệ của văn phòng và bà H là kế toán đã trực tiếp ký vào các phiếu chi. Kể từ ngày 01/01/2015, sau khi Luật Công chứng 2014 có hiệu lực pháp luật bà H không còn là thành viên góp vốn của Văn phòng công chứng HQ mà chỉ làm việc với tư cách là kế toán của Văn phòng nên bà H không có quyền can thiệp vào hoạt động tài chính của Văn phòng công chứng HQ cũng như buộc Văn phòng công chứng HQ trả lại các khoản mà bà cho rằng Văn phòng đã chi sai cho ông D, ông T2 và ông T3. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà H.

Ngoài ra, bà H còn yêu cầu Văn phòng công chứng HQ cung cấp toàn bộ hồ sơ, chứng từ báo cáo thu chi quyết toán từ năm 2014 đến nay cho bà H kiểm tra. Xét yêu cầu này của bà H không phải yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 30 Luật tố tụng dân sự, mà chỉ là yêu cầu về thu thập chứng cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Văn phòng công chứng HQ cung cấp chứng từ thu chi liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà H từ năm 2010 đến hết năm 2014 và bà H đã thực hiện quyền sao chụp tài liệu của đương sự theo khoản 8 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn đối với hồ sơ sổ sách thu chi của Văn phòng từ ngày 01/01/2015 đến nay, xét thấy từ thời điểm này bà H không còn là thành viên góp vốn của Văn phòng công chứng, nên việc thu thập tài liệu này là không cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện là đề nghị Tòa án tuyên bố bà H được quyền chuyển nhượng phần

vốn góp của mình cho công chứng viên đủ điều kiện theo pháp luật. Tuy nhiên, bà H không còn là thành viên góp vốn kể từ 01/01/2005 nữa và yêu cầu này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

Tổng hợp những phân tích như viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên; căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Hàn Thị Lan H. Giữ nguyên các quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh QN.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Hàn Thị Lan H phải chịu 2.000.000 đồng, được đối trừ 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0014515 ngày 11/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh QN(xác nhận bà Hàn Thị Lan H đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng

Trần Quang Minh

Võ Hồng Sơn

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hồng Sơn